



BẢN TIN PHÁP LÝ

SỐ 08 NĂM 2025



Quảng Ngãi, tháng 12 năm 2025



Mục lục	Trang
I. Văn bản mới ban hành/có hiệu lực	3
II. Điểm tin một số văn bản có tác động trực tiếp đến BSR	7
Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	7
Nghị định 306/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi theo Nghị định 128/2021/NĐ-CP) và Nghị định 158/2020/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh	12
Nghị định 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	16
Thông tư 50/2025/TT-BCT quy định lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	18
Thông tư 38/2025/TT- BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ công thương	21
III. Đánh giá tác động của các văn bản được điểm tin tại Mục II	28



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH/CÓ HIỆU LỰC

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Ghi chú
I	Luật			
1	Luật số 104/2025/QH15 Luật Tình trạng khẩn cấp	03/12/2025	01/07/2026	
2	Luật số 132/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng	10/12/2025	01/07/2026	
3	Luật Xây dựng số 135/2025/QH15	10/12/2025	01/07/2026	
4	Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15	10/12/2025	01/03/2026	
5	Luật số 115/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ	10/12/2025	01/04/2026	
6	Luật số 118/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật liên quan đến an ninh trật tự	10/12/2025	01/07/2026	
7	Luật số 119/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp	10/12/2025	01/01/2026	
8	Luật số 137/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế	10/12/2025	01/01/2026	
9	Luật số 138/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thống kê	10/12/2025	01/01/2026	
10	Luật số 139/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm	10/12/2025	01/01/2026	
11	Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15	10/12/2025	01/07/2026	
12	Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15	10/12/2025	01/07/2026	
13	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15	10/12/2025	01/03/2026	
14	Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15	10/12/2025	01/07/2026	
15	Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15	11/12/2025	01/07/2026	
II	Nghị định			
1	Nghị định 231/2025/NĐ-CP quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	26/08/2025	26/08/2025	
2	Nghị định 239/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi	03/09/2025	03/09/2025	



	tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư			
3	Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	11/09/2025	11/09/2025	
4	Nghị định 248/2025/NĐ-CP quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước	15/09/2025	15/09/2025	
5	Nghị định 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	19/09/2025	19/09/2025	
6	Nghị định 293/2025/NĐ-CP Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động	10/11/2025	01/01/2026	
7	Nghị định 306/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi theo Nghị định 128/2021/NĐ-CP) và Nghị định 158/2020/NĐ-CP về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh	25/11/2025	09/01/2026	
8	Nghị định 310/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn	02/12/2025	16/01/2026	
9	Nghị định 318/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về đăng ký lao động và hệ thống thông tin thị trường lao động	12/12/2025	01/01/2026	
10	Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	15/12/2025	15/12/2025	
III	Thông tư			
1	Thông tư 09/2025/TT-BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	28/04/2025	01/10/2025	



2	Thông tư 38/2025/TT- BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ công thương	19/06/2025	01/07/2025	
3	Thông tư 57/2025/TT-BCT quy định nội dung kỹ thuật trong hoạt động dầu khí do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	02/12/2025	20/01/2026	
4	Thông tư 43/2025/TT-BKHCN quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	30/11/2025	15/12/2025	
5	Thông tư 42/2025/TT-BKHCN quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	30/11/2025	01/02/2026	
6	Thông tư 50/2025/TT-BCT quy định lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	07/11/2025	01/01/2026	
7	Thông tư 45/2025/TT-BXD hướng dẫn phương pháp xác định chi phí bảo trì kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa	11/12/2025	01/02/2025	
IV	Các văn bản khác			
1	Quyết định 3740/QĐ-BTC công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	15/12/2025	15/12/2025	



ĐIỂM TIN MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN BSR

NGHỊ ĐỊNH 320/2025/NĐ-CP HƯỚNG DẪN LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- Ngày ban hành: 15/12/2025
- Ngày có hiệu lực: 15/12/2025

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

a) Quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm: Điều 2; Điều 3; Điều 4; Điều 8; Điều 9; khoản 3 Điều 10; khoản 2 Điều 11; các khoản 2, 3 và 4 Điều 12; khoản 1 Điều 13; khoản 6 Điều 14; Điều 15; Điều 16; các khoản 1, 3 và 5 Điều 18; khoản 3 Điều 19;

b) Quy định các biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm: Xác định thu nhập tính thuế; căn cứ tính thuế; thuế suất; phương pháp tính thuế; nguyên tắc, đối tượng áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế suất ưu đãi; miễn thuế, giảm thuế; điều kiện áp dụng ưu đãi thuế; trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; hiệu lực thi hành.

2. Đối tượng áp dụng (Điều 1)



3. Thu nhập được miễn thuế (Điều 4)



4. Thu nhập chịu thuế và bù trừ thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế (Điều 6)



5. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (Điều 10):

- Các khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác; khoản chi đã được chi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của doanh nghiệp.

- Phần chi vượt mức quy định đối với các khoản chi sau:

+ Phần chi cho các khoản có tính chất phúc lợi trực tiếp cho người lao động vượt quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế, bao gồm: Chi khám chữa bệnh, chi nghỉ mát; chi hỗ trợ điều trị khám bệnh, chữa bệnh; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở giáo dục, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động; chi bảo hiểm tai nạn (không bao gồm trường hợp chi bảo hiểm tai nạn bắt buộc theo quy định của pháp luật chuyên ngành), bảo



hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động hướng dẫn tại điểm đ khoản này) và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác, cụ thể như sau:

*) Việc xác định 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp được xác định bằng quỹ tiền lương thực hiện trong năm chia cho 12 tháng. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động không đủ 12 tháng thì việc xác định 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế được xác định bằng quỹ tiền lương thực hiện trong năm chia cho số tháng thực tế hoạt động trong năm;

*) Quỹ tiền lương thực hiện là tổng số tiền lương thực tế đã chi trả của năm quyết toán đó đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ quyết toán theo quy định (không bao gồm số tiền trích lập quỹ dự phòng tiền lương của năm trước chi trong năm quyết toán thuế);

*) Phần chi vượt mức 05 triệu đồng/tháng/người để đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động. Phần vượt mức quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế để trích nộp các quỹ có tính chất an sinh xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm hưu trí bổ sung bắt buộc), Quỹ bảo hiểm y tế và Quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, cụ thể như sau:

*) Khoản tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động được tính vào chi phí được trừ ngoài việc không vượt mức quy định tại điểm này còn phải được ghi cụ thể điều kiện hưởng và mức hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn;

*) Doanh nghiệp không được tính vào chi phí đối với các khoản chi tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động nếu doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm bắt buộc cho người lao động (kể cả trường hợp nợ tiền bảo hiểm bắt buộc).

5. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn (Điều 13)

1. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của doanh nghiệp đã đầu tư cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả trường hợp bán doanh nghiệp, chuyển nhượng quyền góp vốn và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật), chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán.



Thời điểm xác định thu nhập từ chuyển nhượng vốn là thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn.

a) Trường hợp doanh nghiệp bán toàn bộ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản;

b) Trường hợp doanh nghiệp có chuyển nhượng vốn không nhận bằng tiền mà nhận bằng tài sản (bao gồm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ), lợi ích vật chất khác có phát sinh thu nhập thì phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Giá trị tài sản, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và lợi ích vật chất khác được xác định theo giá bán của sản phẩm trên thị trường tại thời điểm nhận tài sản;

c) Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng vốn thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Xác định thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ đi giá mua của phần vốn chuyển nhượng và chi phí chuyển nhượng.

a) Giá chuyển nhượng được xác định là tổng giá trị thực tế mà bên chuyển nhượng thu được theo hợp đồng chuyển nhượng.

a1) Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng vốn quy định việc thanh toán theo hình thức trả góp, trả chậm thì doanh thu của hợp đồng chuyển nhượng không bao gồm lãi trả góp, lãi trả chậm theo thời hạn quy định trong hợp đồng;

a2) Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá thanh toán hoặc cơ quan thuế có cơ sở để xác định giá thanh toán không phù hợp theo giá thị trường, cơ quan thuế có quyền kiểm tra và ấn định giá chuyển nhượng. Doanh nghiệp có chuyển nhượng một phần vốn góp trong doanh nghiệp mà giá chuyển nhượng đối với phần vốn góp này không phù hợp theo giá thị trường thì cơ quan thuế được ấn định lại toàn bộ giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm chuyển nhượng để xác định lại giá chuyển nhượng tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp chuyển nhượng;

a3) Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn cho tổ chức, cá nhân thì phần giá trị vốn chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp việc chuyển nhượng vốn không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng.

Việc ấn định giá chuyển nhượng quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

b) Giá mua của phần vốn chuyển nhượng được xác định đối với từng trường hợp như sau:

b1) Trường hợp là vốn góp thành lập doanh nghiệp thì giá mua là giá trị phần vốn góp lũy kế đến thời điểm chuyển nhượng vốn trên cơ sở sổ sách, hồ sơ, chứng từ kế toán và được các bên tham gia đầu tư vốn hoặc tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh xác nhận hoặc kết quả kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài;

b2) Trường hợp là phần vốn do mua lại thì giá mua là giá trị vốn tại thời điểm



mua. Giá mua được xác định căn cứ vào hợp đồng mua lại phần vốn góp, chứng từ thanh toán;

b3) Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hạch toán kế toán bằng đồng ngoại tệ và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về chế độ kế toán có chuyển nhượng vốn góp bằng ngoại tệ thì giá chuyển nhượng và giá mua của phần vốn chuyển nhượng được xác định bằng đồng ngoại tệ; trường hợp doanh nghiệp hạch toán kế toán bằng đồng Việt Nam có chuyển nhượng vốn góp bằng ngoại tệ thì giá chuyển nhượng phải được xác định bằng đồng Việt Nam theo pháp luật về quản lý thuế;

c) Chi phí chuyển nhượng là các khoản chi thực tế liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng, có chứng từ, hóa đơn hợp pháp. Chi phí chuyển nhượng bao gồm: Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng; các khoản phí và lệ phí phải nộp khi làm thủ tục chuyển nhượng; các chi phí giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng chuyển nhượng và các chi phí khác có chứng từ chứng minh.

Trường hợp chi phí chuyển nhượng phát sinh ở nước ngoài thì các chứng từ gốc đó phải được một cơ quan công chứng hoặc kiểm toán độc lập của nước có chi phí phát sinh xác nhận và chứng từ phải được dịch ra tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền).

6. Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (Điều 22)

1. Việc trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần Quỹ không sử dụng hết quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp là lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn 05 năm hoặc kỳ hạn 10 năm (trong trường hợp không có loại kỳ hạn 05 năm) được phát hành gần thời điểm thu hồi nhất và thời gian tính lãi là 02 năm, kể cả trường hợp doanh nghiệp hoàn nhập Quỹ trước thời hạn 05 năm.

3. Hàng năm, doanh nghiệp tự quyết định mức trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định và lập Báo cáo trích lập, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cùng tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp đã lựa chọn trích lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo quy định tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân thì không trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nghĩa vụ thuế trong trường hợp tài sản cố định đã được hình thành từ nguồn Quỹ để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ chưa hết hao mòn mà được doanh nghiệp chuyển sang phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và mẫu Báo cáo trích lập, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

3. Địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện



kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại số thứ tự 55 Phụ lục III danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ);

b) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại số thứ tự 55 Phụ lục III danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ);

c) Khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung.

7. Thuế suất, phương pháp tính thuế, thuế suất ưu đãi (Điều 11, 12, 19)



8. Điều khoản chuyển tiếp (Điều 25)

2. Doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Báo cáo thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành (sau đây gọi là được phép đầu tư) trước

ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực còn đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả trường hợp dự án đầu tư mở rộng đã được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được phép đầu tư nhưng chưa được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được phép đầu tư; trường hợp mức ưu đãi tại Nghị định này cao hơn mức ưu đãi đang hưởng (kể cả trường hợp thuộc diện nhưng chưa được hưởng) thì được chuyển sang áp dụng ưu đãi theo Nghị định này cho thời gian còn lại. Thời gian còn lại quy định tại điểm này được tính từ kỳ tính thuế 2025.

Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được phép đầu tư trước ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thì việc xác định ưu đãi và thời điểm tính hưởng ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng thực hiện theo quy định của văn bản có hiệu lực tại thời điểm được cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được phép đầu tư.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại [P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\ Luat Thue thu nhap doanh nghiep\Nghì định](#)



**NGHỊ ĐỊNH 306/2025/NĐ-CP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
NGHỊ ĐỊNH SỐ 156/2020/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 CỦA
CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

- Ngày ban hành: 25/11/2025
- Ngày có hiệu lực: 09/01/2026

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) (Điều 1)

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 4 như sau:

“a) Đình chỉ hoạt động chào mua công khai, hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán, hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán, hoạt động văn phòng đại diện, hoạt động lưu ký, hoạt động bù trừ và thanh toán chứng khoán, hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;”;

Bổ sung điểm s vào sau điểm r khoản 3 Điều 4 như sau:

“s) Buộc báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.”.

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thì áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 8; khoản 6 Điều 8a; khoản 2 và khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 11; khoản 3 và khoản 4 Điều 12; khoản 8 Điều 13; khoản 4 và khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 19; khoản 1 Điều 20; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 24; Điều 25; khoản 6 Điều 26; khoản 3 Điều 28; khoản 4 Điều 31; khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 38; khoản 7 Điều 42 Nghị định này thì bị xử phạt về từng hành vi.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 và bổ sung các Điều 8a, Điều 8b, Điều 8c sau Điều 8

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Vi phạm quy định về chào bán, phát hành cổ phiếu riêng lẻ, trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty

đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu khi chưa được chấp thuận hoặc thực hiện mua lại trái phiếu trước



hạn, hoán đổi trái phiếu không đúng với phương án đã được chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ không đúng thời gian quy định;

b) Không công bố báo cáo sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc không thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán hoặc phát hành trong báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, trừ trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ;

c) Đưa ra nhận định hoặc đảm bảo với nhà đầu tư về giá cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ trong tương lai, về mức thu nhập, lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc đảm bảo không bị thua lỗ.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ khi phát hiện thông tin không chính xác hoặc bỏ sót nội dung theo quy định phải có trong hồ sơ hoặc khi phát sinh thông tin liên quan đến hồ sơ đã nộp hoặc hồ sơ đã trình tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;

b) Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành riêng lẻ nhưng không thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch

công ty hoặc Chủ sở hữu công ty; thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành riêng lẻ khi chưa được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho phép thực hiện; thực hiện thay đổi phương án sử dụng số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành riêng lẻ khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền với giá trị thay đổi từ 50% trở lên số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành; không báo cáo việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c) Công bố thông tin chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền được chào bán, phát hành riêng lẻ; quảng cáo việc chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ trên phương tiện thông tin đại chúng;

d) Vi phạm quy định về xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia đợt chào bán, phát hành; không luôn giữ tài liệu xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật;

đ) Chứng nhận việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ trong thời gian hạn chế chuyển nhượng hoặc trong trường hợp pháp luật quy định không được chuyển nhượng; thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ vi phạm quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

e) Không chuyển số tiền thu được từ đợt chào bán vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước



ngoài cho đến khi hoàn tất đợt chào bán và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản về việc xác nhận kết quả chào bán;

g) Thực hiện phân phối cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ không đúng quy định pháp luật.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ không đúng với phương án đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc phương án đã được chấp thuận trong hồ sơ chào bán, phát hành;

b) Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành riêng lẻ không đúng với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hoặc nội dung đã công bố thông tin cho nhà đầu tư hoặc nội dung đã báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ khi chưa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật; chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ nhưng không đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức chào bán, phát hành và công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chào

bán, phát hành riêng lẻ của tổ chức chào bán, phát hành;

b) Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được phát hành không đúng quy định pháp luật.

6. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật.

7. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng đối với hành vi làm giả giấy tờ, xác nhận trên giấy tờ giả mạo chứng minh đủ điều kiện chào bán, phát hành trong hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là giấy tờ giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:



9. BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

a) Báo cáo ĐHĐCĐ, HĐQT, HĐTV hoặc Chủ sở hữu về mua lại, hoàn đổi trái phiếu 	b) Thu hồi chứng khoán, hoàn trả tiền + lãi phát sinh trong 30 ngày 
c) Công bố báo cáo sử dụng vốn đã kiểm toán 	d) Hủy bỏ thông tin sai phạm 
d) Thông qua thay đổi phương án sử dụng vốn 	e) Thu hồi chứng khoán, hoàn trả tiền + lãi trong 15 ngày 
e) Thu hồi chứng khoán, hoàn trả tiền + lãi trong 15 ngày 	g) Thu hồi chứng khoán, hoàn trả tiền + lãi trong 60 ngày 

P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\ Luat chung khoan\Nghị định

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại

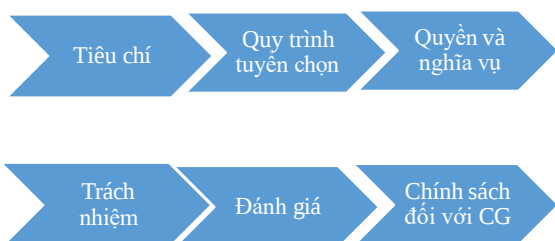


NGHỊ ĐỊNH 249/2025/NĐ-CP QUY ĐỊNH CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THU HÚT CHUYÊN GIA KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Ngày ban hành: 19/09/2025
- Ngày có hiệu lực: 19/09/2025

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

1. Nghị định này quy định cơ chế, chính sách thu hút, gồm:



2. Nghị định này không áp dụng đối với Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, Tổng công trình sư quy định tại Nghị định số 103/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định một số chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, Cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt và chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt.

2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

1. Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đáp ứng tiêu chí chuyên gia quy định tại Nghị

định này được đề cử, ứng cử, lựa chọn làm chuyên gia.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

3. Tiêu chí tuyển chọn chuyên gia (Điều 3)

1. Chuyên gia quy định tại Nghị định này là người có kiến thức, trình độ, kinh nghiệm nghiên cứu trong một hoặc nhiều lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Tiêu chí chung:

a) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên các ngành công nghệ chiến lược trong danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do cấp có thẩm quyền ban hành, có đóng góp thiết thực cho sự phát triển của quốc gia, khu vực và quốc tế;

b) Có lý lịch rõ ràng, có đạo đức tốt;

c) Có mong muốn cống hiến cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Việt Nam.



3. Đồng thời đáp ứng một trong các tiêu chí cụ thể sau đây:

a) Là tác giả hoặc đồng tác giả sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được ứng dụng, chuyển giao tạo ra sản phẩm có giá trị thực tiễn; hoặc có chuyên môn sâu, giàu kinh nghiệm trong ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ thực hiện tại Việt Nam và đang công tác tại bộ phận nghiên cứu của viện nghiên cứu, trường đại học hoặc doanh nghiệp uy tín ở nước ngoài;

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc, đã đạt giải thưởng quốc tế hoặc đã được ứng dụng rộng rãi mang lại hiệu quả thiết thực và phù hợp với chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dự kiến tham gia;

c) Có bằng tiến sĩ từ các trường đại học trong nhóm 200 đại học hàng đầu thế giới theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín và có thời gian tối thiểu 05 năm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tại cơ sở nghiên cứu, đào tạo có uy tín ở nước ngoài thuộc chuyên ngành phù hợp với chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dự kiến tham gia;

d) Có bằng tiến sĩ và đã có ít nhất 05 năm làm việc tại vị trí nghiên cứu khoa học trong chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ hoặc trong bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài;

đ) Có tối thiểu 10 bài báo quốc tế đăng trên các tạp chí danh tiếng hoặc là thành viên hội đồng khoa học của các tạp chí uy tín hoặc tham gia hướng dẫn thành công ít nhất 02 nghiên cứu sinh tiến sĩ;

e) Trường hợp ứng viên không đáp ứng tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c, d và khoản này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tuyển chọn chuyên gia quyết định việc tuyển chọn chuyên gia triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

4. Tiền lương, tiền thưởng, điều kiện làm việc và chế độ phúc lợi đối với chuyên gia (Điều 8)



5. Chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân đề cử chuyên gia (Điều 9)

Sau 12 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng lao động, nếu chuyên gia đáp ứng yêu cầu chương trình, nhiệm vụ được giao thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đề cử chuyên gia được thưởng 01 tháng lương ghi trong hợp đồng lao động của chuyên gia.

6. Điều khoản áp dụng (Điều 13)

1. Chuyên gia quy định tại Nghị định này thuộc đối tượng áp dụng quy định tại các văn bản khác có chế độ, chính sách thấp hơn chính sách quy định tại Nghị định



này thì áp dụng chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này để thỏa thuận cho phù hợp.

2. Chuyên gia quy định tại Nghị định này đủ điều kiện hưởng nhiều chế độ, chính sách quy định tại các văn bản khác nhau

thì chỉ được hưởng một chế độ, chính sách cao nhất. Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Khoa hoc, Cong nghe va doi moi sang tao\Nghị định*

THÔNG TƯ 50/2025/TT-BCT QUY ĐỊNH LỘ TRÌNH ÁP DỤNG TỶ LỆ PHỐI TRỘN NHIÊN LIỆU SINH HỌC VỚI NHIÊN LIỆU TRUYỀN THỐNG TẠI VIỆT NAM

- Ngày ban hành: 07/11/2025
- Ngày có hiệu lực: 01/01/2026

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Thông tư này quy định lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại Việt Nam, trong đó quy định cụ thể tỷ lệ phối trộn, pha chế nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống, lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn, pha chế, sử dụng xăng sinh học dùng cho động cơ xăng.

2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

1. Thông tư này áp dụng đối với thương nhân kinh doanh xăng dầu; tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phối trộn, pha chế, kinh doanh nhiên liệu sinh học, xăng sinh học; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tại Việt Nam.
2. Không áp dụng bắt buộc tỷ lệ phối trộn nhiên liệu diesel sinh học với nhiên liệu diesel sử dụng cho động cơ diesel.
3. Không áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống đối với nhiên liệu sử dụng trong ngành hàng không và xăng, dầu đặc chủng cho các đơn vị chức năng để phục vụ mục tiêu

an ninh, quốc phòng do cấp có thẩm quyền quy định.

3. Lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học và nhiên liệu truyền thống (Điều 4)

1. Từ ngày 01 tháng 6 năm 2026, xăng không chì (theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành) phải phối trộn, pha chế thành xăng E10 để sử dụng cho động cơ xăng trên toàn quốc.
2. Tiếp tục phối trộn, pha chế xăng E5RON92 để sử dụng cho động cơ xăng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.
3. Trong quá trình triển khai thực hiện lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống, căn cứ theo tình hình thực tế về kinh tế, xã hội, kỹ thuật, công nghệ, cung, cầu, giá cả và những biến động khác có liên quan, Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định điều chỉnh tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống, bổ sung chủng loại mặt hàng xăng kinh doanh trên thị trường phù hợp để đảm bảo mục tiêu an ninh năng lượng,



bảo vệ môi trường và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

4. Trong thời gian chưa quy định bắt buộc sử dụng diesel sinh học B5, B10 cho động cơ diesel, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, phối trộn, pha chế, kinh doanh và sử dụng diesel sinh học B5, B10.

4. Tổ chức thực hiện (Điều 5)

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyên đổi xanh và Khuyến công

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công Thương, Sở Công thương các tỉnh, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan triển khai thực hiện quy định về lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống và sử dụng xăng sinh học cho động cơ xăng; phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định tại Thông tư này.

b) Làm đầu mối, phối hợp, đề xuất với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành liên quan tổ chức rà soát, xây dựng, hoàn thiện, trình ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến sản xuất, tồn trữ, phối trộn, pha chế, vận chuyển, phân phối, kinh doanh nhiên liệu sinh học, xăng E5RON92, xăng E10 và nhiên liệu diesel sinh học B5, B10.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đẩy mạnh các chương trình nghiên cứu, nâng cấp công nghệ, thiết bị, kỹ thuật sản xuất nhiên liệu sinh học.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu, phát triển nhiên liệu sinh học; tổ chức đào tạo, phát triển nguồn

nhân lực; huy động, tranh thủ các nguồn lực về kỹ thuật, công nghệ, tài chính nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp nhiên liệu sinh học tại Việt Nam.

đ) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ, các cơ quan của địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị truyền thông và các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có liên quan xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông ngành, quốc gia về nhiên liệu sinh học theo từng giai đoạn và dài hạn nhằm nâng cao nhận thức, thúc đẩy sử dụng xăng sinh học rộng rãi và hiệu quả.

2. Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố và các tổ chức liên quan tổ chức hướng dẫn, kiểm tra hoạt động nhập khẩu, phân phối, kinh doanh nhiên liệu sinh học, xăng sinh học; phối hợp với đơn vị chức năng thuộc các Bộ, ngành liên quan và địa phương kiểm tra hoạt động pha chế, phối trộn nhiên liệu sinh học, xăng sinh học.

b) Phối hợp với đơn vị chức năng liên quan của Bộ Tài chính xây dựng, kiến nghị các cấp có thẩm quyền ban hành chính sách về thuế, phí và chính sách tài chính khác để thúc đẩy kinh doanh và sử dụng xăng sinh học, nhiên liệu sinh học; hướng dẫn phương pháp tính giá bán xăng sinh học, các yếu tố hình thành giá bán xăng sinh học đảm bảo nguyên tắc thị trường, có sự quản lý của Nhà nước.

c) Phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan của các Bộ, ngành có liên quan và Sở Công thương các tỉnh, thành phố, các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu đảm bảo việc cung ứng xăng sinh học ổn định theo nhu cầu, đưa xăng sinh học lưu thông trên thị trường toàn quốc.



3. Vụ Dầu khí và Than

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chức năng liên quan thúc đẩy phát triển sản xuất nhiên liệu sinh học trong nước, từng bước đảm bảo tự chủ về nguồn cung E100.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chức năng liên quan thực hiện chức năng tham mưu quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng các dự án, công trình sản xuất nhiên liệu sinh học, thực hiện hoạt động kiểm tra theo quy định của pháp luật.

4. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp

Tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền về danh mục hàng dự trữ quốc gia về xăng dầu phù hợp với lộ trình sử dụng nhiên liệu sinh học và điều kiện thực tế.

5. Cục Công nghiệp

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ Công Thương, các Bộ, ngành liên quan thực hiện công tác hướng dẫn các hiệp hội, doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, kinh doanh ô tô, xe máy sử dụng động cơ xăng đáp ứng yêu cầu và phù hợp với lộ trình phối trộn nhiên liệu sinh học tại Việt Nam.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

a) Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống theo quy định tại Thông tư này; xây dựng kế hoạch và ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nguyên liệu; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học, hạ tầng phối trộn, pha chế, kinh doanh xăng sinh học phù hợp với đặc thù của địa phương; theo dõi, đánh giá thường xuyên tình hình sản xuất nguyên

liệu, nhiên liệu sinh học, xăng sinh học tại địa phương.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng liên quan tại địa phương tổ chức thanh tra, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại địa phương.

c) Chủ động triển khai các hoạt động truyền thông về xăng sinh học tại địa phương, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các định hướng, nội dung chính về truyền thông do Bộ Công Thương triển khai.

7. Thương nhân kinh doanh xăng dầu, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phối trộn, pha chế, kinh doanh nhiên liệu sinh học, xăng sinh học

a) Chủ động triển khai sản xuất, nhập khẩu, phối trộn, pha chế, kinh doanh xăng sinh học theo lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống ngay khi Thông tư này có hiệu lực nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện về cơ sở hạ tầng và quy định của pháp luật; phát triển nguồn cung nhiên liệu trong nước và nhập khẩu để đảm bảo chủ động nguồn cung các loại xăng sinh học theo quy định tại Thông tư này.

b) Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu sinh học tuân thủ các quy hoạch, quy định có liên quan, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với nhiên liệu sinh học, xăng sinh học; phát triển vùng nguyên liệu phù hợp phục vụ sản xuất nhiên liệu sinh học trong nước và xuất khẩu.

c) Thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu được phép sản xuất, bán xăng nền phục vụ phối trộn, pha chế xăng E5RON92, xăng E10 hoặc phối trộn, pha



chế bán xăng E5RON92, xăng E10 theo nhu cầu của thị trường khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

8. Chế độ báo cáo định kỳ

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các đơn vị chức năng liên quan của Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân liên quan đến sản xuất, nhập khẩu, pha chế, phối trộn, kinh doanh nhiên liệu sinh học, xăng sinh học quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 của điều này thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ được phân công thực hiện và báo cáo về Bộ Công Thương (qua Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công) chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hằng năm.

b) Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công tiếp nhận các báo cáo quy định tại điểm a khoản này, tổng hợp thành báo cáo chung để báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 hằng năm.

c) Biểu mẫu, nội dung báo cáo được quy định tại các Phụ lục kèm theo Thông tư này.

d) Thời gian chốt số liệu báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

đ) Báo cáo định kỳ được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính, gửi qua trực liên thông văn bản quốc gia, thư điện tử hoặc phương thức khác theo quy định của pháp luật.. Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại [P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Thuong mại\Thong tu](#)

THÔNG TƯ 38/2025/TT-BCT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

- Ngày ban hành: 19/06/2025
- Ngày có hiệu lực: 01/07/2025

1. Lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động (Điều 2)

- Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc

thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp thực hiện cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

2. Lĩnh vực kinh doanh khí (Điều 3)



- Điều 3. Bổ sung khoản 1a vào Điều 3 Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương

“1a. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG và giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini”.

3. Lĩnh vực dầu khí (Điều 4)

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xây dựng và nội dung các tài liệu quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thời điểm xây dựng các tài liệu quản lý an toàn

1. Chương trình quản lý an toàn được thực hiện:

a) Trước khi vận hành.

b) Trước khi hoán cải, thay đổi công suất, công nghệ, thu dọn công trình khi kết thúc khai thác hoặc kết thúc dự án, thay đổi chính sách an toàn và hệ thống quản lý an toàn.

2. Báo cáo đánh giá rủi ro được thực hiện:

a) Khi thiết kế cơ sở.

b) Trước khi vận hành (trường hợp có thay đổi so với thiết kế).

c) Trước khi hoán cải, mở rộng quy mô tăng công suất, thay đổi công nghệ, thu dọn công trình khi kết thúc khai thác

hoặc kết thúc dự án, thay đổi chính sách an toàn và hệ thống quản lý an toàn.

d) Cập nhật định kỳ 5 năm.

3. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được thực hiện.

a) Trước khi vận hành.

b) Trước khi hoán cải, mở rộng quy mô tăng công suất, thay đổi công nghệ, thu dọn công trình khi kết thúc khai thác hoặc kết thúc dự án, thay đổi chính sách an toàn và hệ thống quản lý an toàn”.

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 29 như sau:

“1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động dầu khí quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này có trách nhiệm xây dựng các tài liệu về quản lý an toàn Báo cáo đánh giá rủi ro định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu và kết quả tính cho quá trình xây dựng các tài liệu về quản lý an toàn; chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp, kế hoạch đảm bảo an toàn cho dự án, công trình; tổ chức diễn tập ứng cứu khẩn cấp theo kế hoạch đã nêu trong tài liệu về quản lý an toàn”.

3. Lĩnh vực hoá chất (Điều 7)

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất

1. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 10 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BCT) như sau:



“c) Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 8 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP. Cục Hóa chất cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp”.

2. Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 10 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BCT) như sau:

“d) Xử lý hồ sơ, tổ chức thẩm định, thành lập Hội đồng thẩm định, xem xét, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; chứng thực trên trang phụ bìa của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất sau khi được phê duyệt”.

Điều 8. Phân cấp thực hiện thủ tục hành chính về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm

1. Cục Hóa chất có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8 quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 161/2024/NĐ-CP quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ; điểm b, e, g khoản 4, khoản 6 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đối với loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp),

loại 2, loại 3, loại 4, loại 9 theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 161/2024/NĐ-CP quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ; điểm b, điểm e khoản 4, khoản 6 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Lĩnh vực chất lượng hàng hóa, sản phẩm (Điều 9)

- **Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Thông tư số 02/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực**

“Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Trình tự, thủ tục cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện được quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một



số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ) và pháp luật về kiểm tra chuyên ngành.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh danh sách các tổ chức kiểm định và thông tin về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện.

3. Trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện của tổ chức kiểm định, các tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện trên địa bàn quản lý.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Tổ chức đánh giá sự phù hợp được cơ quan có thẩm quyền đánh giá và chỉ định khi đáp ứng các điều kiện tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc được cơ quan có thẩm quyền chỉ định phải tuân thủ các quy định về hoạt động đánh giá

sự phù hợp và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc chỉ định.

Danh sách Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc được cơ quan có thẩm quyền chỉ định được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động hoặc chỉ định.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 11 như sau:

“c) Kết quả chứng nhận, kiểm định của tổ chức chứng nhận, kiểm định được cơ quan có thẩm quyền chỉ định”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Khi công bố hợp quy, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Trách nhiệm của Cục Đo lường mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

1. Tham mưu Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện chức năng đầu mối quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Tổng hợp tình hình kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương.

3. Chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:



“Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp (hoạt động thử nghiệm, chứng nhận, giám định, kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa); Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được cấp Giấy chứng nhận; Xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc thử nghiệm, chứng nhận, giám định, kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định; Xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Cập nhật Danh sách Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp; cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp trên trang thông tin điện tử của địa phương.

4. Cấp thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy và quản lý hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa.

5. Tổ chức, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bao gồm quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng); Xử lý các vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý theo quy định tại Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Báo cáo Bộ Công Thương về tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý (Báo cáo định kỳ hàng năm và Báo cáo đột xuất).”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Cục Hóa chất

Tổ chức thực hiện việc kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu là tiền chất thuốc nổ, vật liệu nổ công nghiệp tại Phụ lục Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương ban hành kèm theo Thông tư số 41/2023/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2023. Mẫu thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu quy định chi tiết tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Định kỳ ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo kết quả hoạt động đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định theo quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP cho cơ quan có thẩm quyền đã chỉ định để tổng hợp.

5. Lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả (Điều 12)

- Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“Điều 5. Đăng ký dán nhãn năng lượng



1. Trước khi đưa phương tiện, thiết bị ra thị trường, doanh nghiệp sản xuất nhập khẩu phương tiện, thiết bị đó phải lập 01 bộ hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“Điều 6. Dán nhãn năng lượng

1. Sau khi nộp hồ sơ đăng ký dán nhãn năng lượng đến Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công, doanh nghiệp được tự thực hiện việc dán nhãn năng lượng phù hợp với thông tin trong Giấy công bố dán nhãn năng lượng cho sản phẩm đã đăng ký. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin đã công bố trong Giấy công bố dán nhãn năng lượng và thông tin hiển thị trên nhãn năng lượng.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 8 như sau:

“2. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, doanh nghiệp thực hiện dán nhãn năng lượng có trách nhiệm lập báo cáo về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị đã được sản xuất, tiêu thụ và được dán nhãn năng lượng trong năm theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và Sở Công Thương.

3. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, các tổ chức thử nghiệm có trách nhiệm lập báo cáo về số lượng, chủng loại phương tiện, thiết bị đã được thử nghiệm để dán nhãn năng lượng theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.”

4. Thay thế các Phụ lục 1,3,4 Thông tư số 36/2016/TT-BCT bằng các phụ lục

tương ứng tại các Mẫu số 01, 02, 03 phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2011/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ quản lý năng lượng và kiểm toán viên năng lượng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“Điều 10. Cấp chứng chỉ và công nhận, thừa nhận chứng chỉ

1. Người đạt kết quả trong kỳ thi do Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công tổ chức được cấp chứng chỉ có giá trị trên toàn quốc. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công cấp chứng chỉ quản lý năng lượng, chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng theo mẫu được quy định tại Phụ lục 4, Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ xin đổi, cấp lại chứng chỉ quản lý năng lượng, chứng chỉ kiểm toán viên năng lượng, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công xem xét tính hợp lệ và đổi, cấp lại chứng chỉ quản lý năng lượng và kiểm toán viên năng lượng cho người xin đổi lại, cấp lại chứng chỉ.”

3. Thay thế các Phụ lục 3,4 Thông tư số 39/2011/TT-BCT bằng các phụ lục tương ứng tại các Mẫu số 04, 05 phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ



trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.

1. Sửa đổi cụm từ “Bộ Công Thương (Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững)” thành cụm từ “Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công” tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Thông tư.

2. Thay thế Phụ lục 5 Thông tư số 42/2019/TT-BCT bằng phụ lục tương ứng tại Mẫu số 06 phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.”Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại [P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat su dung nang luong tiet kiem va hieu qua\Thong tu](#)



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC NÊU TẠI MỤC II

STT	Tên văn bản QPPL/trích yếu nội dung	Trách nhiệm tuân thủ/Hậu quả pháp lý	Ban/đơn vị chủ trì cập nhật, nghiên cứu, áp dụng/tuân thủ
1	Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp	- Trách nhiệm tuân thủ: Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động liên quan thuế thu nhập doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định tại Luật Xây dựng, Nghị định này và các văn bản liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động liên quan thuế thu nhập doanh nghiệp, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Luật số 67/2025/QH15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	TCKT, các Chi nhánh/Trung tâm
2	Nghị định 306/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán	- Trách nhiệm tuân thủ: Tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán phải cập nhật, tuân thủ các quy định này và các quy định khác có liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Văn bản hợp nhất 09/VBHN-BTC năm 2022 hợp nhất Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.	VP HĐQT
3	Nghị định 249/2025/NĐ-CP quy	- Trách nhiệm tuân thủ: Cơ quan nhà nước, Tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động trong lĩnh vực	TT ĐMST, KTCN



	định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải cập nhật, tuân thủ các quy định này và các quy định khác có liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ chế, chính sách, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BKHCN năm 2022 hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	
4	Thông tư 50/2025/TT-BCT quy định lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	- Trách nhiệm tuân thủ: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động điều phối, nghiên cứu tỷ lệ phối trộn có trách nhiệm cập nhật, tuân thủ quy định này và các quy định khác có liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định thực hiện lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BCT năm 2022 hợp nhất Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí do Bộ Công Thương ban hành và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.	KTCN, KHSX, VHSX



5	Thông tư 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương	- Trách nhiệm tuân thủ: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động thực hiện các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương có trách nhiệm cập nhật, tuân thủ quy định này và các quy định khác có liên quan. - Hậu quả pháp lý: Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định trong việc thực hiện các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định liên quan đến từng lĩnh vực và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.	ATMT, ATCL, KTSX, VHSX
---	---	--	---------------------------------